

Số: **6930** /UBND-KTN

Quảng Ngãi, ngày **26** tháng 12 năm 2021

V/v tình hình thực hiện
công tác đấu giá quyền
khai thác khoáng sản trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện nội dung Công văn số 7172/BTNMT-TTr ngày 25/11/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo việc thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi kể từ ngày 15/5/2012 đến 31/10/2021 như sau:

1. Việc ban hành các văn bản theo thẩm quyền

- Kế hoạch số 5695/KH-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh về đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi năm 2016-2017;

- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh về đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi năm 2019, 2020; Công văn số 2089/UBND-NNTN ngày 12/5/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông;

- Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Các Quyết định của UBND tỉnh về khoanh định khu vực không đấu giá trên địa bàn tỉnh: Số 127/QĐ-UBND ngày 07/8/2012; số 169/QĐ-UBND ngày 23/5/2014; số 193/QĐ-UBND ngày 30/6/2015; số 346/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; số 203/QĐ-UBND ngày 13/3/2017; số 667/QĐ-UBND ngày 25/9/2017; số 141/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; số 1580/QĐ-UBND ngày 17/9/2018; số 191/QĐ-UBND ngày 27/3/2020; số 255/QĐ-UBND ngày 16/4/2020; số 284/QĐ-UBND ngày 24/4/2020; số 393/QĐ-UBND ngày 19/6/2020; số 539/QĐ-UBND ngày 07/9/2020; số 701/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 và số 1103/QĐ-UBND ngày 12/11/2021.

2. Việc tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản

a) Công tác cấp giấy phép khai thác khoáng sản:

a1) Việc tổ chức thực hiện cấp giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh: Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định

của Luật Khoáng sản năm 2010 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các Quyết định về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường: Số 2179/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 và số 1882/QĐ-UBND ngày 26/11/2021.

a2) Tổng số giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trên địa bàn tỉnh (do UBND tỉnh cấp): 224 giấy phép; trong đó:

- Cấp tại khu vực đã thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản thành công: 12 giấy phép;

- Cấp tại khu vực đã được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 212 giấy phép.

b) Công tác khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

b1) Việc tổ chức thực hiện khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh: Việc tổ chức thực hiện khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 và Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

b2) Kết quả khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Đã khoanh định được 146 khu vực (*Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm*).

b3) Kết quả thực hiện việc cấp phép khoáng sản đối với các khu vực đã được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cụ thể:

- Tổng số khu vực đã được cấp phép: 53 khu vực khoanh định.

- Tổng số giấy phép đã được cấp trong các khu vực đã khoanh định: 69 giấy phép.

(*Chi tiết từng khu vực đã được cấp giấy phép theo Phụ lục 1 đính kèm*)

c) Công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

c1) Việc tổ chức phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

- Kế hoạch số 5695/KH-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh về đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi năm 2016-2017;

- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh về đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi năm 2019, 2020; Công văn số 2089/UBND-NNTN ngày 12/05/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông;

- Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

c2) Kết quả đấu giá và việc cấp giấy phép khoáng sản đối với các khu vực đã được phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cụ thể:

- Khu vực đã được phê duyệt kế hoạch đấu giá:

+ Khu vực đã thực hiện đấu giá thành công: 19 khu vực, trong đó: 18 khu vực là đất bãi bồi ven sông thuộc đất quản lý của địa phương, 01 khu vực chưa giải phóng mặt bằng và 12 khu vực đã được thăm dò, 07 khu vực chưa thăm dò;

+ Khu vực đã thực hiện đấu giá không thành công: 0 khu vực.

- Khu vực đã thực hiện đấu giá thành công:

+ Tổng số tiền theo giá khởi điểm: 11.344 triệu đồng;

+ Tổng số tiền trúng đấu giá: 52.634 triệu đồng;

+ Tổng số tiền đã thu được: 52.634 triệu đồng;

+ Tổng số tiền chưa thu được: 0 đồng.

- Hiện trạng cấp giấy phép sau kết quả đấu giá thành công:

+ Đã cấp giấy phép, nộp đủ số tiền trúng đấu giá: 12 khu vực;

+ Đã cấp giấy phép, chưa nộp đủ tiền trúng đấu giá: 0 khu vực;

+ Đã cấp 12 giấy phép khai thác.

(Chi tiết từng khu vực đã được phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Phụ lục 2 đính kèm)

3. Kiến nghị, đề xuất

a) Đề nghị bổ sung quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, đối tượng được Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản *(thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh)* để tạo điều kiện cho địa phương triển khai việc đấu giá, cấp phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền được hiệu quả, minh bạch *(các khu vực mở đưa ra đấu giá đã có mặt bằng "sạch" cho các doanh nghiệp đầu tư)*.

Việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa được bồi thường, chưa có mặt bằng sạch sau khi có kết quả đấu giá, tổ chức trúng đấu giá phải tự thỏa thuận với người có đất, việc này dẫn đến tình trạng người dân đòi giá bồi thường rất cao, gây khó khăn; thậm chí có trường hợp người dân không thống nhất thỏa thuận bồi thường, khi đó, việc giải quyết quyền lợi cho tổ chức trúng đấu giá hết sức khó khăn do mỏ không triển khai hoạt động được. Ngoài ra, hiện chưa có quy định thăm dò, đánh giá trữ lượng trước khi đấu giá quyền khai thác khoáng sản dẫn đến khi tổ chức đấu giá, người tham gia đấu giá không nắm rõ trữ lượng cụ thể mỏ đưa ra đấu giá nên việc trả giá gặp nhiều khó khăn và rủi ro.

b) Đề nghị sửa đổi khoản 5 Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản *“Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép trước khi tiến hành phiên đấu giá...”* phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản *“cấm để lộ thông tin về người đăng ký tham gia đấu giá nhằm mục đích trục lợi”*.

c) Đề nghị sửa đổi quy định về trúng đấu giá bổ sung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 21 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản *“Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ chối nhận kết quả trúng đấu giá thì người trả giá thấp hơn liền kề được Hội đồng đấu giá xem xét phê duyệt trúng giá bổ sung”* phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Đấu giá tài sản *“Trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên, sau khi đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại cuộc đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá và người trả giá liền kề chấp nhận mua tài sản đấu giá”*.

Lý do: Đối với đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò, có nghĩa là chưa có giá tiền cụ thể để đấu giá mà chỉ đấu giá chỉ số phần trăm (%) của mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nên việc áp dụng giải quyết cho người liền kề (trường hợp người trúng đấu giá này từ chối kết quả trúng đấu giá) theo quy định của Luật Đấu giá tài sản là không thực hiện được.

d) Đề nghị quy định cách tính tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với loại khoáng sản phát hiện mới khi thực hiện thăm dò ở khu vực đấu giá chưa thăm dò khoáng sản (không phải đối tượng khoáng sản chính khi đấu giá).

Kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 917).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC CẤP GIẤY PHÉP KHOẢNG SẢN ĐỐI VỚI KHU VỰC ĐÁ KHOANH ĐỊNH
KHOẢNG ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOẢNG SẢN

(Kèm theo Công văn số 3730/UBND-KTN ngày 20 /12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Khu vực được khoanh định không đầu giá quyền KTKS	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Hiện trạng cấp phép				Diện tích còn lại chưa cấp phép (ha)	Ghi chú
				Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị được cấp phép	Diện tích khai thác (ha)	Thời gian hết hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=4-7)	(10)
01	Mỏ đá Hố Chuối, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	Đá làm VLXD thông thường	19,00	40/GP-UBND ngày 21/07/2020	Công ty TNHH Xây dựng Dầu tư và Thương mại Lộc Thịnh	17,90	30 năm	1,10	
02	Mỏ đá núi Cà Ty, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh		18,24	11/GP-UBND ngày 06/03/2015	Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi	18,00		0,24	
03	Mỏ đá núi Núi Ấn, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh		14,00					14,00	Chưa cấp phép
04	Mỏ phụ gia xi măng đèo Bà Tể, xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh	Phụ gia xi măng	3,30	05/GP-UBND ngày 19/01/2016	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	3,30		0,00	
05	Mỏ phụ gia xi măng xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh		8,40					8,40	Chưa cấp phép
06	Mỏ đá khu vực phía đông đèo Bình Đê, xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ		12,00					12,00	Chưa cấp phép
07	Mỏ đá núi Đá Bạch 2, xã Bình An, huyện Bình Sơn		28,00					28,00	Chưa cấp phép
08	Mỏ đá thôn Đông Bình, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn	Đá làm VLXD thông thường	5,36	32/GP-UBND ngày 29/05/2017	Công ty TNHH Khai thác Hưng Thịnh	5,36		0,00	
09	Mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn		11,10		Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh	11,10		0,00	
10	Mỏ đá Tân An, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành		14,10					14,10	Chưa cấp phép

11	Mỏ đá Thượng Hòa 4, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	Đá làm VLXD thông thường	5,40					5,40	Chưa cấp phép
12	Mỏ đá Núi Lới, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức		14,80					14,80	Chưa cấp phép
13	Khu vực mở rộng mỏ đá An Hội, thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa		6,60	39/GP-UBND ngày 21/07/2020	Công ty TNHH Đại Long	6,60		0,00	
14	Khu vực mở rộng mỏ đá thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn		9,50					9,50	Chưa cấp phép
15	Mỏ đá Núi Lới, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức		23,02					23,02	Chưa cấp phép
16	Núi Chóp Chài, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	Đất làm vật liệu san lấp	6,81					6,81	Chưa cấp phép
17	Động Đất Mía, thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn		6,00					6,00	Chưa cấp phép
18	Thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn		2,40	42/GP-UBND ngày 5/7/2016	Công ty TNHH Anh Cường	2,40		0,00	
19	Thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn		25,73					25,73	Chưa cấp phép
20	Núi Cầu, thôn Phước Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn		6,70					6,70	Chưa cấp phép
21	Đông Cây Dừa, Xóm 1, thôn Phước Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn		14,48	69/GP-UBND ngày 07/11/2018				11,48	
22	Thôn Phú Long 1, xã Bình Phước (vị trí 1), huyện Bình Sơn		5,69	18/GP-UBND ngày 23/3/2016	Công ty TNHH MTV Chiêu Kỳ	5,00	3,00	0,69	
23	Khu vực xã Bình Phước, huyện Bình Sơn		7,30					7,30	Chưa cấp phép
24	Núi Thuyền, xã Bình Thanh Tây và xã Bình Phước, huyện Bình Sơn		16,45					16,45	Chưa cấp phép

25	Núi Chùa, xã Bình Hòa và xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn	15,28				15,28	Chưa cấp phép
26	Xóm 1, thôn Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	29,19	38/GP-UBND, ngày 17/07/2020	Công ty TNHH MTV XD Phú Gia Thịnh	11,10	18,09	
27	Núi Hóc Hồ, thôn Phước Hòa, xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn	21,90				21,90	Chưa cấp phép
28	Gò Màng, xã Bình Thanh Đông, huyện Bình Sơn	9,28				9,28	Chưa cấp phép
29	Núi Trám, thôn Liên Trì, xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn	28,75	63/GP-UBND ngày 13/9/2016	Công ty TNHH Lộc Thịnh	2,05	03 năm	26,70
30	Khu vực Triền Đập, thôn Nam Thuận, xã Bình Chương, huyện Bình Sơn	42,25					42,25
31	Núi Lồng Sáo, thôn Diên Lộc, xã Bình Tân, huyện Bình Sơn	8,80					8,80
32	Thôn Diên Lộc, xã Bình Tân, huyện Bình Sơn	21,58					21,58
33	Thôn Phú Long 1, xã Bình Phước (vị trí 2), huyện Bình Sơn	9,82					9,82
34	Núi Phố Tĩnh, xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn	9,80					9,80
35	Núi Chối Chước, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	9,40					9,40
36	Dốc Hồng, thôn Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	4,30					4,30
37	Núi Xuyên thôn Phước Thọ 1, xã bình Phước, huyện Bình Sơn	6,45					6,45
38	Rãi Đông Dải, thôn Thuận Phước, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	4,60					4,60
39	Khu vực xã Bình Đông (Vị trí 1), huyện Bình Sơn	5,00					5,00

Đất làm
vật liệu
san lấp

40	Khu vực xã Bình Đông (Vị trí 2), huyện Bình Sơn	Đất làm vật liệu san lấp	9,90					9,90	Chưa cấp phép
41	Khu vực xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn		4,50					4,50	Chưa cấp phép
42	Khu vực xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn		4,00	29/GP-UBND ngày 12/5/2017	Công ty TNHH Trung Nam Phong	4,00	02 năm	0,00	
43	Núi Đá Mài, Xóm 6, thôn Thọ Tây, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh		19,51					19,51	Chưa cấp phép
44	Đồng Lụa, thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh		5,13	21/GP-UBND, ngày 14/4/2020	Công ty TNHH MTV XD Phú Gia Thịnh	5,10	03 năm	0,03	
45	Núi Đồng Nàng, thôn Trường Thọ và thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh		6,52					6,52	Chưa cấp phép
46	Gò Chai, thôn Khánh Mỹ, xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh		13,24					13,24	Chưa cấp phép
47	Thổ Kỳ, thôn Hiệp Đức, xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh		15,35					15,35	Chưa cấp phép
48	Núi Hòn Một, thôn Tân An, xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh		8,10	66/GP-UBND ngày 22/12/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư 706	8,06	04 năm	0,04	
49	Hòn Cọc, thôn An Kim, xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh		16,28					16,28	Chưa cấp phép
50	Eo Hồ Rọ, thôn Phước Thọ, xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh		7,84					7,84	Chưa cấp phép
51	Núi Đất, thôn Bình Bắc, xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh		80,00					80,00	Chưa cấp phép
52	Động Dài - Núi Chùa, thôn Bình Bắc, xã Tịnh Bình		8,24	18/GP-UBND, ngày 30/6/2014	Công ty TNHH TM vận tải Hân Nga	3,70	02 năm	4,54	Chưa cấp phép
53	Rừng Muồng, thôn Bình Bắc, xã Tịnh Bình		4,67			2,10		2,57	Chưa cấp phép
54	Rừng Miếu, thôn Bình Bắc, xã Tịnh Bình		75,55					75,55	Chưa cấp phép

55	Núi Rừng Thorm, thôn Bình Nam, xã Tịnh Bình	4,10					4,10	Chưa cấp phép
56	Núi Tháp, xóm 3, thôn Thọ Đông, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	3,60					3,60	Chưa cấp phép
57	Núi Giữa, xóm 3, thôn Thọ Đông, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	15,12	32/GP-UBND, ngày 15/7/2015	Công ty TNHH Hoàng Hải	0,80		9,99	Chưa cấp phép
			10/GP-UBND, ngày 16/5/2014	Công ty TNHH MTV ĐT, XD và KD dịch vụ Quảng Ngãi	1,844			
			07/GP-UBND ngày 22/4/2014	Doanh nghiệp tư nhân Quảng Thành	2,482			
58	Núi Tròn, xóm 5, thôn Thọ Đông, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	3,32					3,32	Chưa cấp phép
59	Núi Ngang, thôn Hà Trung và thôn Hà Nhai xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	14,15					14,15	Chưa cấp phép
60	Đồi Ông Hạc, Rừng Giáo Đình, Giông Ông Đình, Gò Gọc, Gò Lớn, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	30,06					30,06	Chưa cấp phép
61	Đồi 48, thôn Hà Nhai Bắc, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	8,10					8,10	Chưa cấp phép
62	Hốc É - Đồng Lớn, xã Tịnh Hòa, TP. Quảng Ngãi	28,91					28,91	Chưa cấp phép
63	Chòi Bà Ân, xã Tịnh Hòa, TP. Quảng Ngãi	6,92					6,92	Chưa cấp phép

Đất làm
vật liệu
san lấp

64	Núi Ông Đoài, xã Tịnh Thiện, TP. Quảng Ngãi		30,10	41/GP-UBND ngày 11/9/2015 41/GP-UBND, ngày 27/09/2019 31/GP-UBND ngày 11/7/2019 45/GP-UBND ngày 09/9/2021	Công ty TNHH XL và TM Xuân Phát Công ty TNHH Cơ giới và Xây lắp Việt Đức Công ty TNHH MTV XD và TM Lê Nguyên Công ty TNHH MTV XD và TM Khởi Minh	4,20 5,05 3,42 3,74	03 năm 03 năm 3,5 năm 04 năm	13,69	
65	Núi Chùa, núi Tân An, thôn Tân An, xã Thôn Khánh, xã Tịnh Thiện, TP. Quảng Ngãi	Đất làm vật liệu san lấp	22,66	37/GP-UBND ngày 6/6/2016 73/GP-UBND ngày 17/11/2017 86/GP-UBND ngày 28/12/2016 79/GP-UBND ngày 12/12/2016	Công ty CP XD Đô thị và KCN Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng 179 Công ty TNHH Hoàng Hải Công ty CP ĐT XD Thiên Tân	1,72 2,7996 2,82 1,90	01 năm 02 năm 1,5 năm 2,5 năm	13,42	
66	Núi Lệ Thủy, thôn Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, TP. Quảng Ngãi		24,78	14/GP_UBND ngày 24/6/2014 20/GP-UBND, ngày 30/6/2014 04/GP-UBND, ngày 22/01/2018	Công ty Cổ phần TM Phú Trường Công ty TNHH ĐT Sơn Cường Công ty CP Đầu tư 706	5,40 1,70 3,787	02 năm 02 năm 04 năm	13,89	
67	Núi Đông Thoại, thôn Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, TP. Quảng Ngãi		5,40	41/GP-UBND ngày 27/8/2021	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hợp Nghĩa	5,37	03 năm	0,03	
68	Thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, TP. Quảng Ngãi		23,55	07/GP-UBND, ngày 25/02/2020	Công ty CP XD Công nghệ Dịch vụ Thái Khang	8,40	03 năm 09 tháng	23,55	Chưa cấp phép
69	Thôn Kim Lộc, xã Tịnh Châu, TP. Quảng Ngãi		23,96	59/GP-UBND ngày 02/11/2020	Công ty CP Phát triển hạ tầng Lũng Lô 251	6,754	03 năm 04 tháng	5,44	

70	Thôn Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, TP. Quảng Ngãi		62/GP-UBND ngày 24/11/2020	Công ty TNHH Hoàng Hải	3,36	04 năm			
71	Núi Hố Khách, xã Tịnh Ấn Đông, TP. Quảng Ngãi		09/GP-UBND, ngày 16/5/2014	Công ty CP Dầu tư 706	5,70	02 năm	2,51		
72	Núi Bế, xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa		40/GP-UBND, ngày 27/09/2019	Công ty CP Dầu tư 706	2,5064	27 tháng	1,49		
73	Núi Đất, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa		14/GP-UBND, ngày 25/2/2016	Công ty CPĐT XD & TM Khởi Minh	1,94	02 năm	16,35		
74	Gò Đồi Vườn Sung, thôn Long Diên, xã Nghĩa Diên, huyện Tư Nghĩa		2,00				2,00	Chưa cấp phép	
75	Gò Thủ, thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ		3,12				3,12	Chưa cấp phép	
76	Núi Cu, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa		27,97 33/GP-UBND, ngày 18/7/2019	Công ty CP ĐT XD Thương mại Trần Gia Hân	6,0526		21,92		
77	Gò Lau, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức		16,81				16,81	Chưa cấp phép	
78	Núi Đất, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức		9,20 08/GP-UBND, ngày 12/02/2018	DNTN XD và Thi công Cơ giới Việt Linh	5,00	02 năm	4,20		
79	Núi Diệp, xã Đức Nhuận và Đức Hiệp, huyện Mộ Đức		11,40 31/GP-UBND, ngày 17/6/2020	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Hà Vân	4,933	3,6 năm	6,47		
80	Thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức	Đất làm vật liệu san lấp	11,70 15/GP-UBND ngày 19/3/2019	Công ty TNHH MTV ĐT, XD và KD DV Quảng Ngãi	5,44	3,2 năm	3,26		
81	Núi Văn Bàn, thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức		48/GP-UBND, ngày 25/12/2019	Công ty TNHH Hiệp Hưng	3,00	02 năm 09 tháng			
82	Thôn An Hội, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức		3,00 44/GP-UBND, ngày 14/10/2019	Công ty TNHH XD và TM Quốc Tiến	3,00	02 năm 09 tháng	0,00		
			7,70 68/GP-UBND, ngày 02/11/2018	Công ty CP ĐT Bất động sản nam Khang Miền Trung	7,70	02 năm	0,00		
			6,00				6,00	Chưa cấp phép	

83	Núi Dâu, thôn Vạn Lý, xã Phổ Phong, TX Đức Phổ		41,66						41,66	Chưa cấp phép
84	Thôn Thiệp Sơn, xã Phổ Thuận, TX Đức Phổ	36/GP-UBND ngày 8/6/2017	18,25	Công ty TNHH Minh Huy	2,00	2,5 năm			16,25	
85	Thôn Thanh Bình, xã Phổ Thuận	79/GP-UBND ngày 30/11/2017	13,75	Công ty TNHH Bách Bằng	0,989	01 năm			12,76	
86	Thôn Mỹ Trang, xã Phổ Cường (vị trí 2), TX Đức Phổ	77/GP-UBND ngày 30/11/2017	1,40	Công ty TNHH Bách Bằng	1,40	02 năm			0,00	
87	Thôn An Ninh, xã Phổ Ninh	36/GP-UBND ngày 29/7/2021	13,62	Công ty TNHH tư vấn Đầu tư XL Phát Đạt	4,137	2,5 năm			9,48	
88	Thôn An Điền, xã Phổ Nhơn, TX Đức Phổ		25,16						25,16	Chưa cấp phép
89	Xứ Đồng Gò Cái, thôn An Tây, xã Phổ Nhơn		19,43						19,43	Chưa cấp phép
90	Thôn Thanh Lâm, xã Phổ Ninh, TX Đức Phổ		12,93						12,93	Chưa cấp phép
91	Núi Thạch Lập, thôn Phi Hiền, xã Phổ Vinh, TX Đức Phổ	72/GP-UBND, ngày 15/11/2017	3,00	Công ty TNHH MTV XL An Lộc Phát	2,9885	2,5 năm			0,01	
92	Thôn Hiền Văn, xã Phổ Hoà, TX Đức Phổ	39/GP-UBND, ngày 20/09/2019 36/GP-UBND ngày 07/6/2018	23,43	Công ty TNHH Trọng Thu	2,94 1,494	2,5 năm 02 năm			19,00	
93	Thôn Hiền Văn, xã Phổ Hoà, TX Đức Phổ		7,80						7,80	Chưa cấp phép
94	Thôn Mỹ Trang, xã Phổ Cường (vị trí 1), TX Đức Phổ	21/GP-UBND, ngày 04/7/2014	11,48	Doanh nghiệp tư nhân Thành Danh	3,00	02 năm			8,48	
95	Thôn Quy Thiện, xã Phổ Khánh, TX Đức Phổ		9,50						9,50	Chưa cấp phép
96	Khu vực núi Bé, thôn Bàn Thạch, xã Phổ Cường, TX Đức Phổ	15/GP-UBND, ngày 27/6/2014	7,96	Doanh nghiệp tư nhân Thạch An	4,50	02 năm			3,46	
97	Thôn Long Thạnh 1, xã Phổ Thạnh, TX Đức Phổ	22/GP-UBND, ngày 04/7/2014	2,00	Công ty TNHH MTV Công Bình Kiều	2,00	02 năm			0,00	

Đất làm
vật liệu
san lấp

98	Khu vực Tân An, thôn Tân Diêm, P. Phổ Thạnh, TX Đức Phổ	27,28	05/GP-UBND, ngày 11/4/2014	Công ty CP Đầu tư 706	4,50	2,5 năm	22,78	
99	Thôn La Vân, P. Phổ Thạnh, TX Đức Phổ	23,62	36/GP-UBND, ngày 30/9/2014 01/GP-UBND, ngày 09/01/2019	Công ty TNHH Một thành viên Hải Phước Công ty CP Đầu tư XD Phú Mỹ	2,00 8,358	02 năm 03 năm	13,26	
100	Thôn Đồng Vân, P. Phổ Thạnh, TX Đức Phổ	21,46	06/GP-UBND, ngày 11/4/2014	Công ty CP Đầu tư 706	2,50	02 năm	18,96	
101	Gò Chùa, thôn Tân Lộc, xã Phổ Châu, TX Đức Phổ	5,62					5,62	Chưa cấp phép
102	Khu vực núi Lớn, thôn Hưng Long, xã Phổ Châu, TX Đức Phổ	22,61					22,61	Chưa cấp phép
103	Khu vực đèo Bình Đé, thôn Vĩnh Tuy, xã Phổ Châu, TX Đức Phổ	3,50	43/GP-UBND, ngày 03/10/2019	Công ty TNHH TM-DV Tân Hữu Phú	2,10	02 năm	1,40	
104	Gò Rùa, thôn Nghĩa Lâm, xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	18,10					18,10	Chưa cấp phép
105	Thôn Tân Lập, xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành	15,81	01/GP-UBND, ngày 17/01/2020	Công ty TNHH Phú Điện	11,87	4,5 năm	3,94	
106	Núi Mã Đèo, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	10,18					10,18	Chưa cấp phép
107	Rừng đồi, thôn Kỳ Thọ Nam 1, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành	10,63	23/GP-UBND, ngày 08/7/2014 30/GP-UBND, ngày 11/06/2019	Công ty TNHH MTV XD Thiên Minh Tiến Công ty TNHH MTV XD và TM Toàn Thịnh	2,69 3,3855	02 năm 02 năm	4,55	
108	Hố Hóc Ngầy, thôn An Chi Tây, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	11,71	48/GP-UBND ngày 27/8/2020	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Thiên Lộc Phát	5,30	04 năm	6,41	
109	Thôn Mễ Sơn, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	23,16					23,16	Chưa cấp phép

Đất làm
vật liệu
san lấp

110	Thôn Vạn Xuân, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	16,76				16,76	Chưa cấp phép
111	Núi Ông, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	17,14				17,14	Chưa cấp phép
112	Sườn đồi, thôn Tân Hoà, xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành	24,09				24,09	Chưa cấp phép
113	Thôn Làng Giáy - Dốc Mốc 1, xã Ba Cung, huyện Ba Tơ	4,96	42/GP-UBND, ngày 11/8/2020	Công ty TNHH MTV Sản xuất và KD Long Anh	3,00	03 năm	1,96
114	Thôn Dốc Mốc 2, xã Ba Cung, huyện Ba Tơ	25,07					Chưa cấp phép
115	Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ	7,52					Chưa cấp phép
116	Thôn Diên Sơn, xã Long Sơn	14,62					Chưa cấp phép
117	Gò Hót Non, thôn Gò Chè, xã Long Sơn, huyện Ba Tơ	5,00					Chưa cấp phép
118	Núi Xuân Thu, thôn Xà Tôn, xã Long Sơn	16,63					Chưa cấp phép
119	Núi Hoàng Y Tơ, thôn Ngã Lăng, xã Long Mai	11,61					Chưa cấp phép
120	Núi Đồng Tranh, thôn Mai Lãnh Hữu, xã Long Mai	3,00					Chưa cấp phép
121	Gò Bóp, thôn Hà Liệt, xã Long Hiệp	8,85					Chưa cấp phép
122	Đồi Trường Sơn, thôn Mai Lãnh Hữu, xã Long Mai	7,75					Chưa cấp phép
123	Thôn Hóc Nhiêu, xã Thanh An	7,00					Chưa cấp phép
124	Núi Nằng, thôn Làng Giữa, xã Long Môn	5,00					Chưa cấp phép
125	Gò Ta Lách, thôn Hà Bôi, xã Long Hiệp	11,86					Chưa cấp phép

Đất làm
vật liệu
san lấp

126	Núi Hoàng Du, thôn Thiệp Nguyên, xã Long Hiệp	7,87					7,87	Chưa cấp phép
127	Núi Gò Ray, thôn Diệp Thương, xã Thanh An	8,30	39/GP-UBND, ngày 09/08/2021	Công ty CP ĐT và XD Tấn Thịnh	5,736	3 năm	2,56	
128	Sa Cầm, thôn Gò Rộc, xã Thanh An	3,70					3,70	Chưa cấp phép
129	Mỏ đất Cẩm Diêu, tổ dân phố La Vân, phường Phố Thạnh, thị xã Đức Phổ	3,45	27/GP-UBND, ngày 18/5/2020	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Tuấn Đạt	3,45	2 năm	0,00	
130	Mỏ đất Tổ dân phố Nước Rạc, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	10,1229	12/GP-UBND ngày 15/3/2021	Công ty TNHH MTV XD và Dịch vụ TM Trường An	3,2367		6,89	
131	Mỏ đất núi Hòn Gió, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	25,20					25,20	Chưa cấp phép
132	Tổ 2, thôn Cưa, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng	13,17					13,17	Chưa cấp phép
133	Tổ 2, thôn Nguyên, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng	20,75					20,75	Chưa cấp phép
134	Nà Săng Sắn, thôn Nguyên, xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng	16,29					16,29	Chưa cấp phép
135	Thôn 2, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	19,20					19,20	Chưa cấp phép
136	Thôn 3, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	12,82					12,82	Chưa cấp phép
137	Thôn 3, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	29,73					29,73	Chưa cấp phép
138	Thôn 5, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	25,20					25,20	Chưa cấp phép
139	Thôn Trung, xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng	17,15					17,15	Chưa cấp phép
140	Núi Trà Chanh, thôn 3, xã Trà Giang, huyện Trà Bồng	14,42					14,42	Chưa cấp phép

Đất làm
vật liệu
san lấp

141	Hòn Đụn, tổ 6, thôn 3, xã Trà Giang, huyện Trà Bồng	14,76					14,76	Chưa cấp phép
142	Bãi Ruộng Viên, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	5,80					5,80	Chưa cấp phép
143	Thôn Mang He, xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	13,83					13,83	Chưa cấp phép
144	Thôn Nước Min, xã Sơn Múa	21,74					21,74	Chưa cấp phép
145	Thôn Huy Măng, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây	8,43					8,43	Chưa cấp phép
146	Thôn Tà Kin, xã Sơn Tinh, huyện Sơn Tây	9,30					9,30	Chưa cấp phép
TỔNG CỘNG		2056,88				303,16	1753,72	

Phụ lục 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC ĐẦU GIÁ ĐỔI VỚI CÁC KHU VỰC

ĐƯỢC PHÉP ĐUỠY KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOẢNG SÀN

(Kèm theo Công văn số 6393/QĐ-UBND-KTN ngày 20/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Khu vực đầu giá (xã, huyện)	Kế hoạch đầu giá					Kết quả đầu giá					Hiện trạng cấp phép			Ghi chú
		Năm phê duyệt	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Đã thăm dò	Đã giải phóng mặt bằng	Giá khởi điểm (triệu đồng)	Năm	Đơn vị trúng đầu giá	Giá trị trúng đầu giá (triệu đồng)	Chênh lệch so với giá khởi điểm	Số tiền đã nộp trúng đầu giá (triệu đồng)	Số tiền chưa nộp trúng đầu giá	Giấy phép khai thác khoáng sản (Số, ngày ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12=11-8)	(13)	(14=11-	(15)	(16)
01	Mỏ cát Thạch An, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	2016	Cát	6,42	X	X	1.077	2018	Công ty CP ĐT XD Phú An Lộc	7.377	6.300	7.377	0	43/GP-UBND ngày 21/6/2018	
02	Mỏ cát Thôn Tân Phước, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	2016	Cát	1,34	X	X	253	2018	Công ty TNHH MTV Vận tải Thiên Phước	3.691	3.438	3.691	0	14/GP-UBND ngày 13/3/2018	
03	Mỏ cát Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa	2016	Cát	2,7903	X	X	468	2018	Công ty Cổ phần Phương Hồng	2.712	2.244	2.712	0	19/GP-UBND ngày 19/3/2018	
04	Mỏ cát Thôn 6, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa	2016	Cát	4,591	X	X	980	2018	Công ty TNHH MTV XD Phú Gia Thịnh	1.352	372	1.352	0	18/GP-UBND ngày 15/3/2018	
05	Mỏ cát Thôn An Tráng, xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa	2016	Cát	3,2947	X	X	607								Chưa đầu giá
06	Mỏ cát Thôn Nam Phước, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	2016	Cát	6,7005	X	X	1.254	2018	Công ty TNHH MTV XD và TM Quang Đất Việt	2.134	880	2.134	0	52/GP-UBND ngày 27/7/2018	
07	Mỏ cát Tô dân phố Vạn Mỹ, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	2016	Cát	8,2611	X	X	1.669	2018	Công ty CP SX TM và DV Đại Nguyên	3.190	1.521	3.190	0	25/GP-UBND ngày 04/4/2018	
08	Mỏ cát Thôn Diên Niên, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	2017	Cát	3,5	X	X	317	2019	Công ty TNHH MTV XD Phú Gia Thịnh	2.507	2.190	2.507	0	22/GP-UBND, ngày 17/4/2020	
09	Mỏ cát Thôn Phước Lộc, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	2017	Cát	3,8	X	X	1.157	2019	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Lũng Lô 251	3.577	2.420	3.577	0	47/GP-UBND ngày 19/12/2019	

10	Mỏ cát, Thôn 6, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi	2017	Cát	11,4	X	X	3072	2019	Công ty CP ĐT Phát triển Hợp Nghĩa	18.122	15.050	18.122	0	14/GP-UBND ngày 15/3/2019	
11	Mỏ cát, thôn Bình Thanh, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng	2018	Cát	3,42	X	X	882	2020	Công ty TNHH Kinh doanh Vạn Phúc	1.050	168	1.050	0	19/GP-UBND ngày 26/4/2021	
12	Mỏ cát, Nghĩa Lập, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức và xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	2018	Cát	8,9	X	X	3.908	2020	Công ty TNHH XD và TM Quốc Tiến	6.922	3.014	6.922	0	23/GP-UBND ngày 15/6/2021	
13	Mỏ cát thôn Xuân Đình, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành	2021	Cát	4,67	X	X	57								Chưa đầu giá
14	Mỏ cát thôn Vạn Xuân 2, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành	2021	Cát	3,11	X	X	40								Chưa đầu giá
15	Mỏ cát thôn Bắc Lán, xã Ba Động, huyện Ba Tơ	2021	Cát	1,0	X	X	7								Chưa đầu giá
16	Mỏ cát thôn Tân Long Trung, xã Ba Động, huyện Ba Tơ	2021	Cát	1,0	X	X	7								Chưa đầu giá
17	Mỏ cát CS6, xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà	2021	Cát	5,0	X	X	70								Chưa đầu giá
18	Mỏ cát thôn An Lộc, xã Tịnh Long	2021	Cát		X	X	65								Chưa đầu giá
19	Mỏ đất núi Làng, thôn Trung Lý, phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ		Đất san lấp												Chưa đầu giá
Tổng cộng							11.344			52.634	42.143	52.634	0		